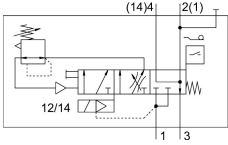
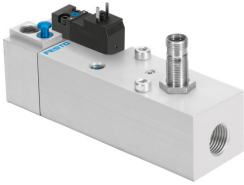


# Van khởi động mềm VABF-S6-1-P5A4-G12-4-1-P

Số bộ phận: 557377

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                         | Giá trị                                                                              |
|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Xung thử nghiệm dương tính tối đa với tín hiệu 0 | 2500 $\mu$ s                                                                         |
| Xung thử nghiệm âm tối đa với 1 tín hiệu         | 1400 $\mu$ s                                                                         |
| Khả năng chống rung                              | Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6 |
| chống sốc                                        | Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27          |
| Dựa trên tiêu chuẩn                              | ISO 5599-2                                                                           |
| Kiểu vận hành                                    | điện                                                                                 |
| Nguyên lý bít                                    | mềm                                                                                  |
| Vị trí lắp đặt                                   | bất kỳ                                                                               |
| Nút ghi đè                                       | khớp<br>tự thiết lập lại bằng tín hiệu điều khiển điện                               |
| Cấu trúc xây dựng                                | thanh trượt pít tông                                                                 |
| Kiểu cài đặt lại                                 | lò xo cơ học                                                                         |
| Kiểu điều khiển                                  | điều khiển trước                                                                     |
| kiểm soát cung cấp không khí                     | trong                                                                                |
| Hướng dòng chảy                                  | không thể đảo ngược                                                                  |
| Chức năng van                                    | chức năng tăng áp suất                                                               |
| Chức năng phần tử chuyển mạch                    | Cơ cấu đóng                                                                          |
| Lưu ý về lấy mẫu động bắt buộc                   | Tần suất chuyển mạch ít nhất 1/tháng                                                 |
| Truy vấn vị trí chuyển mạch                      | Vị trí chuyển mạch bằng cảm biến                                                     |
| Áp suất vận hành                                 | 0.2 MPA...1.2 MPA<br>2 bar...12 bar                                                  |
| Đặt trước áp suất chuyển mạch                    | 0.4 MPA                                                                              |
| Thông gió lưu lượng định mức thông thường        | 3000 l/ph                                                                            |
| Thông khí Lưu lượng định mức thông thường        | 3300 l/ph                                                                            |
| Điện áp hoạt động danh định DC                   | 24 V                                                                                 |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây                       | 24 V DC: 2,5 W                                                                       |
| Dao động điện áp cho phép                        | +/- 10 %                                                                             |
| Môi chất vận hành                                | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                 |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển            | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                        |
| Lớp chống ăn mòn KBK                             | 0 - không ứng suất ăn mòn                                                            |

| Đặc tính                       | Giá trị                                                     |
|--------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Tuân thủ LABS                  | VDMA24364-B1/B2-L                                           |
| Mức độ bảo vệ                  | IP65<br>NEMA 4                                              |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh | -5 °C...50 °C                                               |
| trọng lượng sản phẩm           | 605 g                                                       |
| Cổng nối điện                  | Dạng C<br>Phích cắm<br>theo EN 175301-803<br>thiết kế vuông |
| kết nối cảm biến               | Giắc cắm<br>4 chân<br>M12x1                                 |
| Kiểu gắn                       | trên tấm kết nối                                            |
| Cổng nối khí điều khiển 12/14  | Kích thước tấm kết nối 1 theo ISO 5599-2                    |
| Cổng nối khí nén 1             | Kích thước tấm kết nối 1 theo ISO 5599-2                    |
| Cổng nối khí nén 2             | Kích thước tấm kết nối 1 theo ISO 5599-2                    |
| Cổng nối khí nén 3             | G1/2                                                        |
| Cổng nối khí nén 4             | Kích thước tấm kết nối 1 theo ISO 5599-2                    |
| Ghi chú vật liệu               | Tuân thủ RoHS                                               |
| Vật liệu của phốt              | HNBR<br>NBR                                                 |
| Vật liệu vỏ                    | Hợp kim nhôm rèn                                            |
| Vật liệu vít                   | Thép<br>mạ kẽm                                              |